

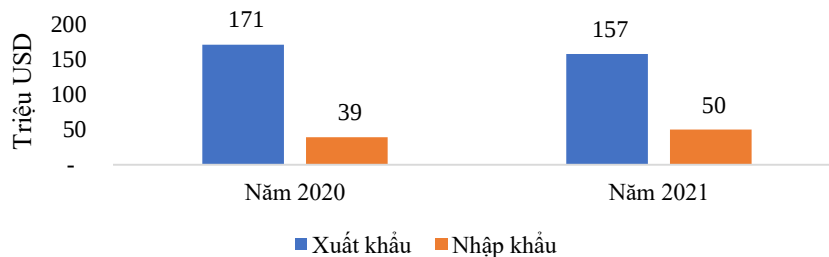
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường HÀN QUỐC



TÌNH HÌNH CHUNG

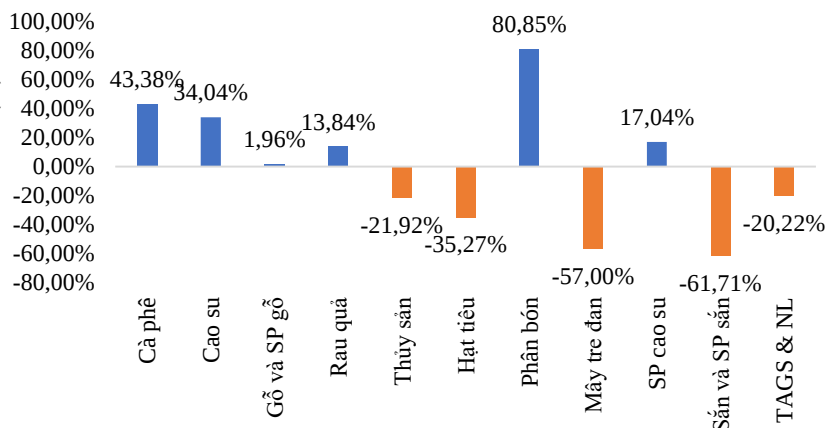
Xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam- Hàn Quốc T8-2021/2020



So sánh xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam – Hàn Quốc T8-2021/2020

Xuất khẩu	▼ 7,87 %
Nhập khẩu	▲ 27,35 %

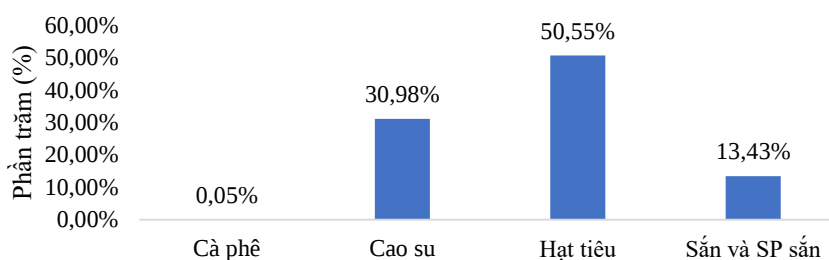
Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính của Việt Nam sang Hàn Quốc T8-2021/2020



So sánh T8-2021/2020

Cà phê	▲ 43,38%
Cao su	▲ 34,04%
Gỗ và SP gỗ	▲ 1,96%
Hàng rau quả	▲ 13,84%
Hàng thủy sản	▼ 21,92%
Hạt tiêu	▼ 35,27%
Phân bón	▲ 80,85%
Máy tre đan	▼ 57,00%
SP từ cao su	▲ 17,04%
Sắn và SP sắn	▼ 61,71%
TAGS & NL	▼ 20,22%

Biến động giá xuất khẩu bình quân T8-2021/2020



So sánh giá xuất khẩu BQ T8-2021/2020

Cà phê	▲ 0,05%
Cao su	▲ 30,98%
Hạt tiêu	▲ 50,55%
Sắn và SP sắn	▲ 13,43%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Ngân hàng Trung ương Hàn Quốc (BoK) ngày 13/9/2021 cho biết đại dịch COVID-19 sẽ khiến mức tăng trưởng tiềm năng của Hàn Quốc giai đoạn 2021-2022 giảm 0,2%, chỉ còn 2%. Mức tăng trưởng tiềm năng, được xem là mức tối đa mà nền kinh tế có thể tăng trưởng song không gây ra lạm phát, của Hàn Quốc đã giảm dần do dân số trong độ tuổi lao động ngày càng giảm và các khoản nợ hộ gia đình tăng cao. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) ước tính mức tăng trưởng tiềm năng của Hàn Quốc trong giai đoạn 2021-2022 ở mức 1,8%, trong khi Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) dự kiến tăng trưởng của nền kinh tế lớn thứ tư châu Á này ở mức 2,4%. BoK dự đoán kinh tế Hàn Quốc sẽ tăng trưởng 4% trong năm nay.

Sự đứt gãy thương mại quốc tế giữa đại dịch COVID-19 làm rầy lên mối quan ngại về an ninh lương thực quốc gia. Hàn Quốc đang lên kế hoạch tăng cường tự cung tự cấp các loại lương thực chính giúp phát triển bền vững ngành nông nghiệp trong nước. Cụ thể, Hàn Quốc lên kế hoạch tăng tỷ lệ tự cung tự cấp của lúa mì lên 5% vào năm 2025, tăng đáng kể từ mức 0,7% năm 2019. Tỷ lệ cho các loại đậu tăng lên 33% từ mức 26.7% trong cùng giai đoạn. Tỷ lệ tự cung tự cấp lương thực của Hàn Quốc đạt 45,8% trong năm 2019. Quốc gia này đáp ứng được 92% nhu cầu lúa gạo trong nước, nhưng phụ thuộc vào Hoa Kỳ, Trung Quốc, Australia và Brazil đối với các loại lương thực chính khác.

Bộ Nông nghiệp, Lương thực và Nông thôn Hàn Quốc cho biết nước này sẽ mua dự trữ 350.000 tấn gạo trong năm nay, tăng nhẹ so với mức 332.000 tấn được thu mua trong năm trước. Theo kế hoạch, Chính phủ Hàn Quốc sẽ thu mua 240.000 tấn gạo được đóng gói cùng với 100.000 tấn gạo được sấy khô cho tới cuối tháng 12/2021. Một lô 10.000 tấn gạo sẽ được dự trữ cho chương trình Dự trữ gạo khẩn cấp ASEAN+3 (gồm 10 nước Đông Nam Á và Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản).

Hàn Quốc sẽ thu mua gạo theo giá thị trường trung bình từ ngày 5/10-25/12/2021. Chính phủ Hàn Quốc sẽ trả trước 30.000 won (25 USD) cho mỗi bao 40 kg và phần tiền còn lại sẽ được trả vào cuối năm 2021.

Khối lượng gạo được thu mua trên cũng sẽ bao gồm 5.000 tấn gạo được sản xuất đáp ứng các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường và sẽ được kiểm tra dư lượng hóa chất sau khi được mua với giá cao.

Tháng 8/2021, Việt Nam xuất khẩu 157,2 triệu USD các mặt hàng NLTS chính tới Hàn Quốc, giảm 7,8% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, gỗ và sản phẩm gỗ có kim ngạch xuất khẩu cao nhất tới thị trường này chiếm 44,0%, thứ hai là thủy sản với

34,3%, rau quả chiếm 7,1%. Trong các mặt hàng xuất khẩu chính, thủy sản, hạt tiêu, mây tre đan, sắn và sản phẩm sắn và thức ăn gia súc là các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm, còn lại các mặt hàng khác có kim ngạch tăng so với cùng kỳ năm 2020.

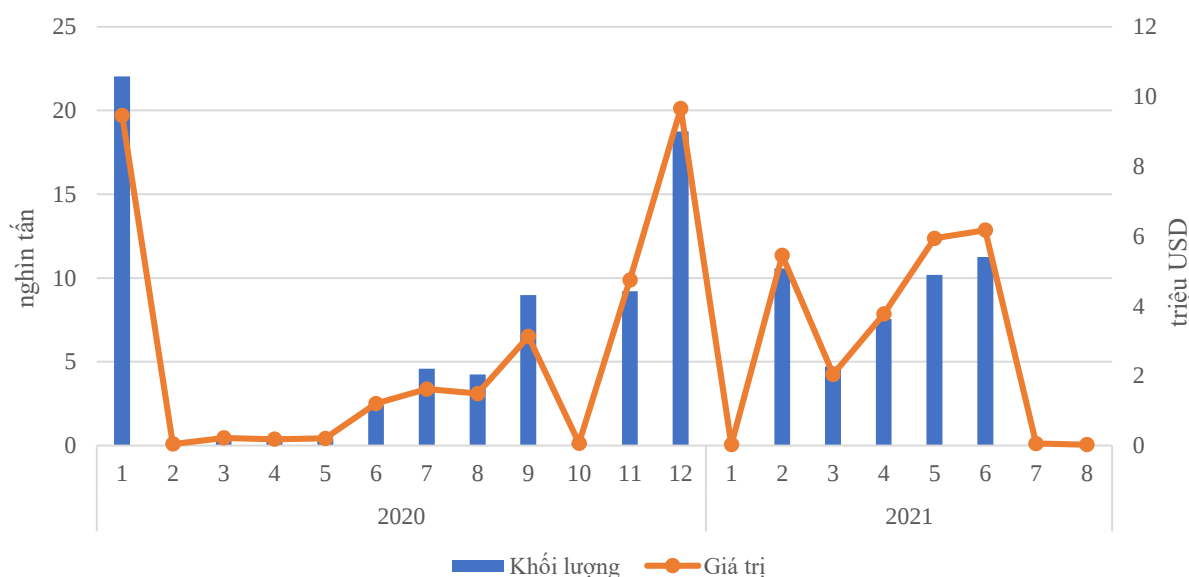
CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo dự báo cập nhật tháng 9/2021 của USDA, sản lượng gạo của Hàn Quốc trong năm 2020/21 vẫn được dự báo là sẽ đạt khoảng 3,51 triệu tấn, giảm 0,24 nghìn tấn so với năm trước. Về nhập khẩu, lượng gạo nhập khẩu của Hàn Quốc ước đạt 450 nghìn tấn, giảm khoảng 15 nghìn tấn so với năm ngoái.

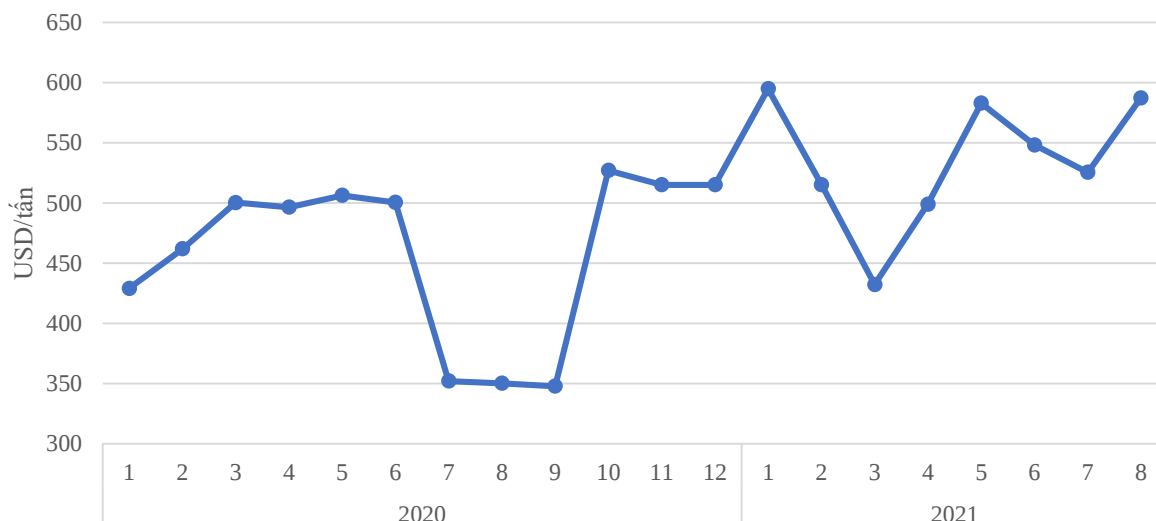
Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 8/2021, Việt Nam xuất khẩu được 43,0 tấn gạo, trị giá 25,3 nghìn USD sang Hàn Quốc, giảm 61,3% về khối lượng và 56,7% về giá trị so với tháng trước; và giảm 99,0% về khối lượng và 98,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 8 tháng đầu năm 2021 đạt 44,5 nghìn tấn gạo, trị giá 23,5 triệu USD, tăng 28,5% về khối lượng và 62,8% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

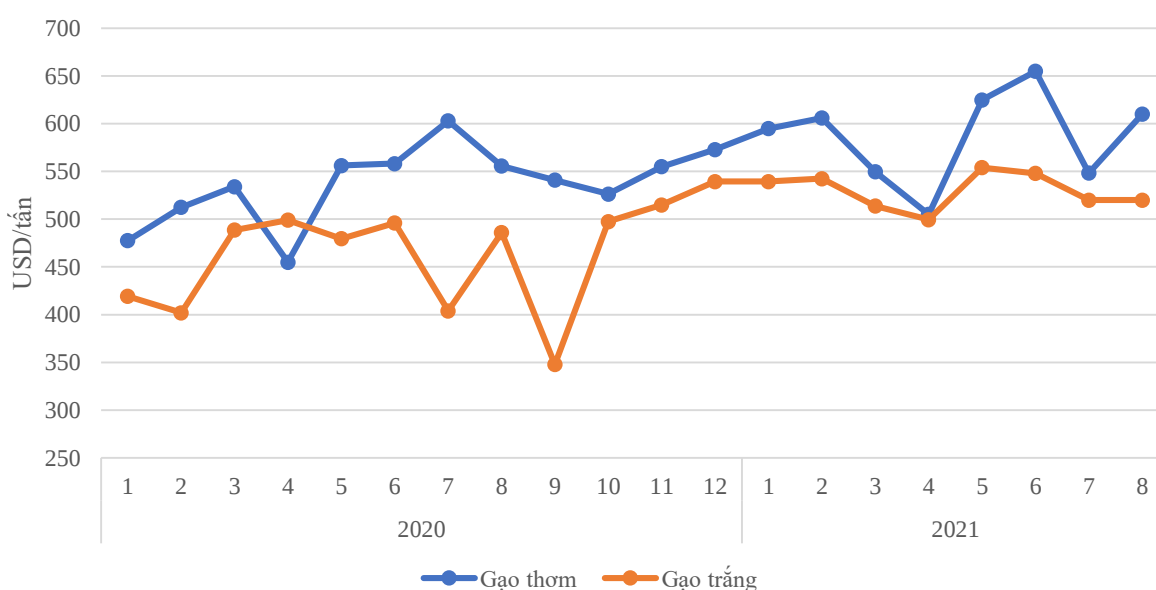
Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hàn Quốc tháng 8/2021 đạt 587,4 USD/tấn, tăng 11,8% so với tháng trước và 67,8% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 8/2021, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất sang Hàn Quốc, chiếm 74,4% về khối lượng và 73,8% về giá trị tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang Hàn Quốc. Gạo trắng là mặt hàng đứng thứ hai chiếm 13,9% về khối lượng và 15,8% về giá trị tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang Hàn Quốc.

Giá xuất khẩu gạo thơm tháng 8/2021 đạt 610,0 USD/tấn, giảm 11,2% so với tháng trước và 9,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá xuất khẩu gạo trắng đạt trung bình 520,0 USD/tấn, tương đương so với tháng trước nhưng tăng 7,0% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

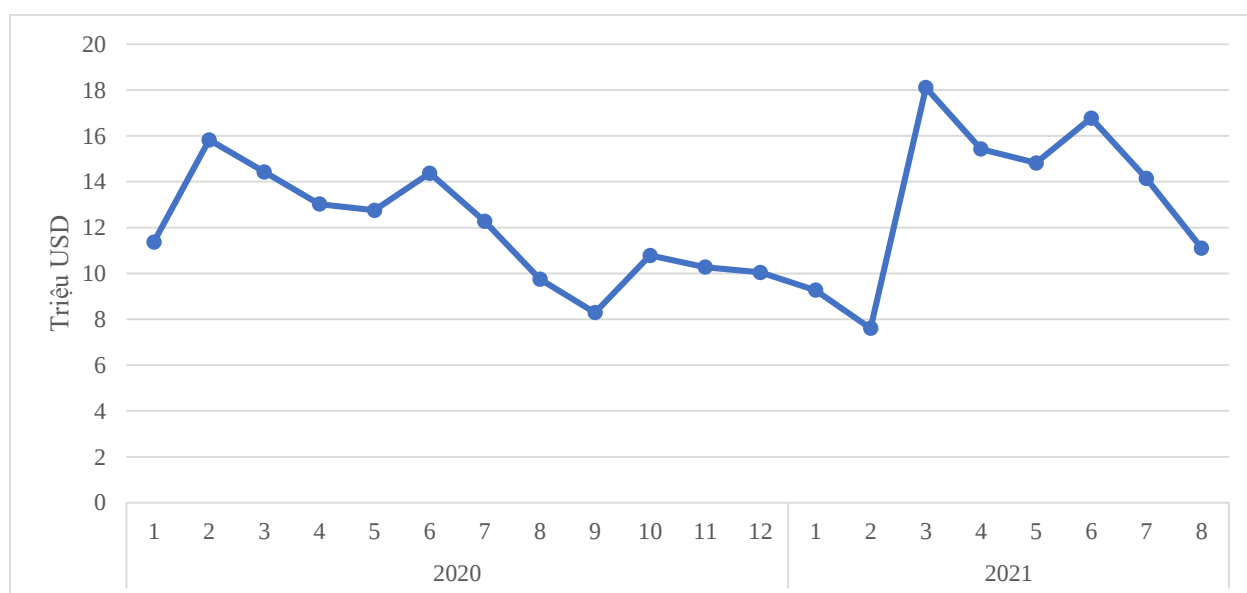
Trong tháng 8/2021, chỉ có hai công ty xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc là Công Ty Cổ Phần Lương Thực Bình Minh và Công ty TNHH Thành Phát. Tỷ trọng của các công ty này lần lượt là 60,4% và 39,6% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 8/2021. So với cùng kỳ năm 2020, Công Ty Cổ Phần Lương Thực Bình Minh tăng 131,1%, còn Công ty TNHH Thành Phát giảm 53,2%.

2. RAU QUẢ

Bộ Nông nghiệp Hàn Quốc đã cung cấp gói hỗ trợ thúc đẩy sản xuất rau ở tỉnh Mondulkiri, khu vực đông bắc Campuchia, nơi có tiềm năng về rau chịu lạnh. Hàn Quốc đã hỗ trợ 3,3 triệu USD cho dự án sản xuất rau tại đây trong 4 năm (2021-2024). Dự án sẽ thúc đẩy sản xuất rau giá trị cao và tăng sinh kế cho nông dân thông qua phát triển sản xuất khoai tây giống và kỹ thuật trồng các loại rau giá trị cao như bắp cải, cải xoăn Trung Quốc và khoai tây.

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc tháng 8 năm 2021 đạt 11,1 triệu USD, chiếm 4,8% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, giảm 21,5% so với tháng trước và tăng 13,8% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 8 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu rau quả sang Hàn Quốc đạt 107,2 triệu USD, chiếm 4,3% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 3,4% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc



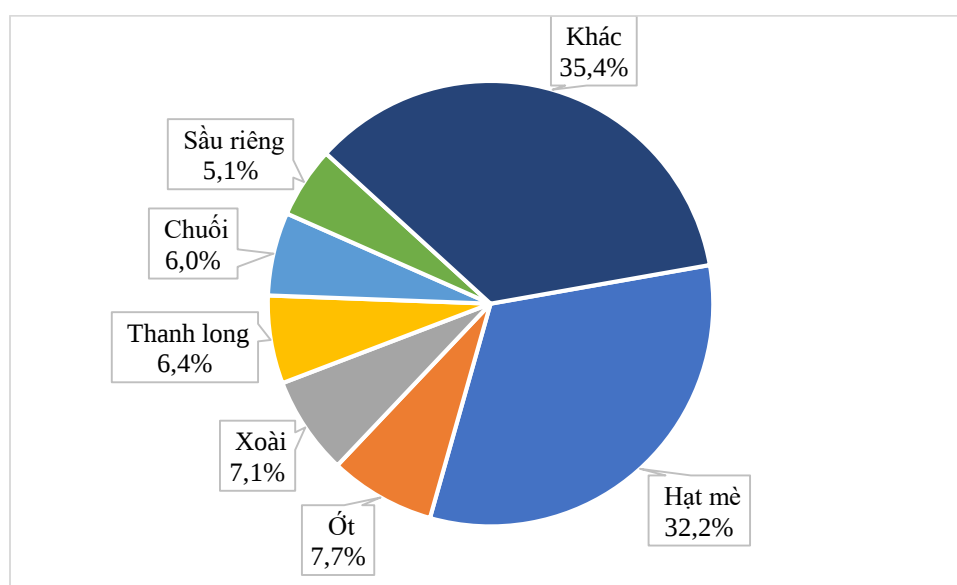
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 8 năm 2021, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 4,5 triệu USD (chiếm 40,1% thị phần,

tăng 27,0% so với cùng kỳ năm 2020) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 6,6 triệu USD (chiếm 59,9% thị phần, tăng 6,4%), trong đó: (i) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 5,0 triệu USD, tăng 4,7% so với cùng kỳ năm trước; (ii) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 0,9 triệu USD (tăng 22,4%); (iii) rau, quả muối chua (Mã HS: 2001) đạt 447,7 nghìn USD (tăng 3,6%); ...

Trong tháng 8 năm 2021, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc nhiều nhất bao gồm: hạt mè đạt 3,6 triệu USD (chiếm 32,2% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 9,9% so với cùng kỳ năm 2020; Ớt đạt 852,7 nghìn USD (chiếm 21,9%), tăng 61,2%; xoài đạt 791,3 nghìn USD (chiếm 7,1%), giảm 43,6%; thanh long đạt 709,8 nghìn USD (chiếm 6,4%), tăng 63,6%; ...

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc tháng 8/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hàn Quốc tháng 8 năm 2021 đạt 3,7 triệu USD, chiếm 3,2% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, tăng 37,0% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 8 tháng đầu năm 2021, giá trị nhập khẩu rau quả từ Hàn Quốc đạt 25,1 triệu USD, chiếm 2,7% thị phần, tăng 7,7% so với cùng kỳ năm 2020. Trong tháng 8/2021, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là rong biển đạt 1,9 triệu USD (chiếm 72,4%), tăng 156,3% so với cùng kỳ năm 2020; nho đạt 468 nghìn USD (chiếm 18,1%), giảm 31,9%; nấm các loại đạt 362,5 nghìn USD (chiếm 14,0%), tăng 34,9%; ...

Trong tháng 8/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hàn Quốc là Công ty TNHH Y.K. Vina, Công ty TNHH Dole Việt Nam và Công ty TNHH Thực phẩm quốc tế Giavico với thị phần xuất khẩu lần lượt là 28,6%; 6,5% và 4,9%. So sánh với cùng kỳ năm ngoái, kim ngạch xuất khẩu của Công ty TNHH Y.K. Vina

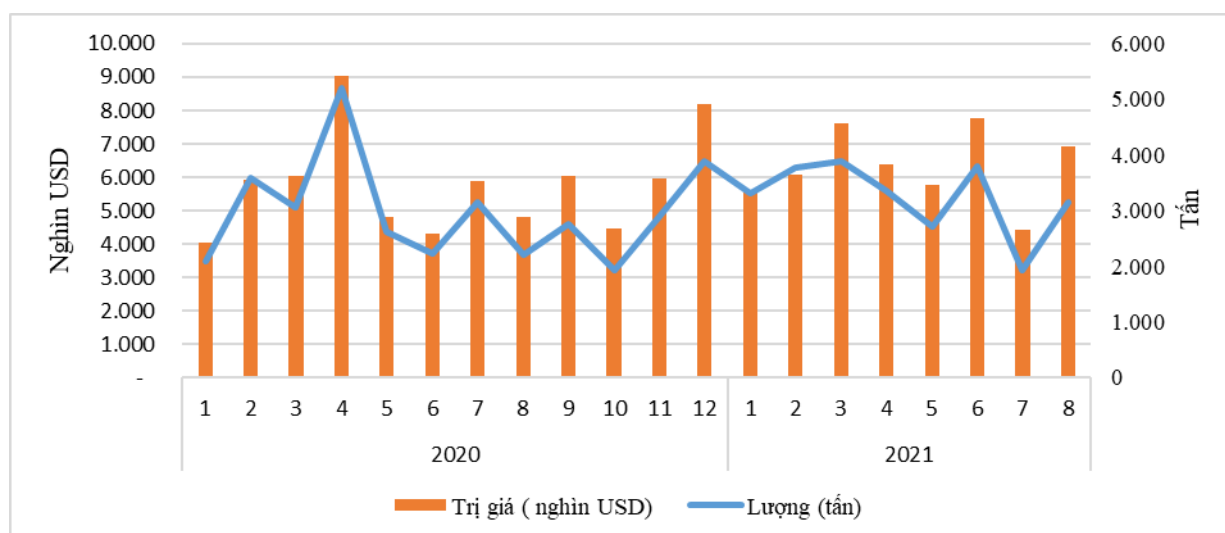
giảm 1,3%, Công ty TNHH Dole Việt Nam tăng 316,4% và Công ty TNHH Thực phẩm quốc tế Giavico tăng 157,5%.

3. CÀ PHÊ

Hàn Quốc là quốc gia nhập khẩu cà phê đứng thứ 10 của Việt Nam, chiếm hơn 3% tổng lượng xuất khẩu cà phê của Việt Nam. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 8/2021 đạt 3.150 tấn, trị giá 6,9 triệu USD, tăng 64,32% về lượng và tăng 56,94% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ tháng 8/2020, xuất khẩu cà phê tăng 43,31% về lượng và tăng 43,38% về giá trị.

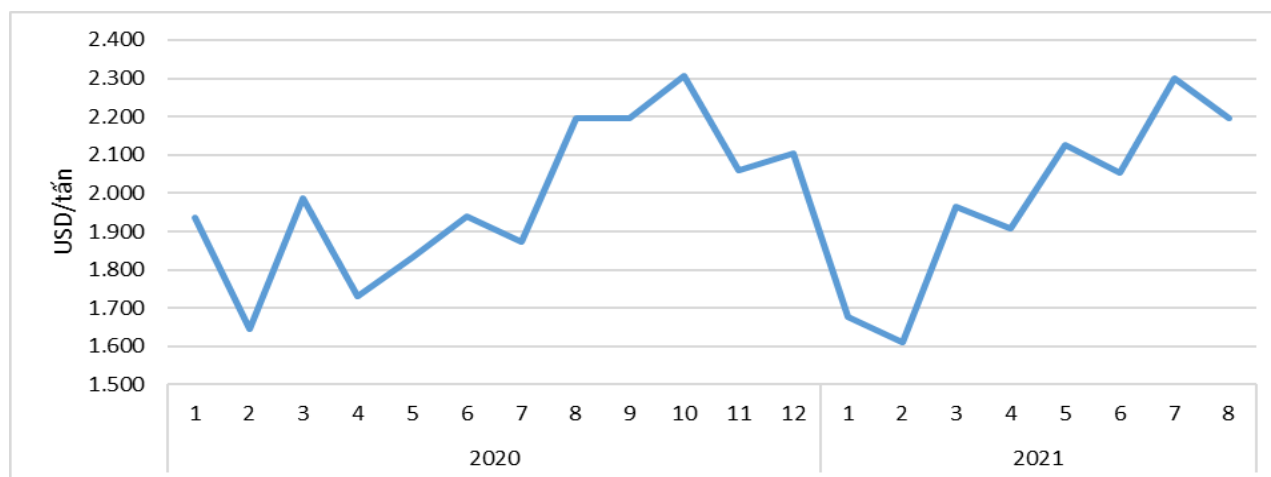
Lũy kế 8 tháng đầu năm 2021 đạt 25.887 tấn, trị giá 50.532 triệu USD, giảm 6,84% về lượng và giảm 11,24% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

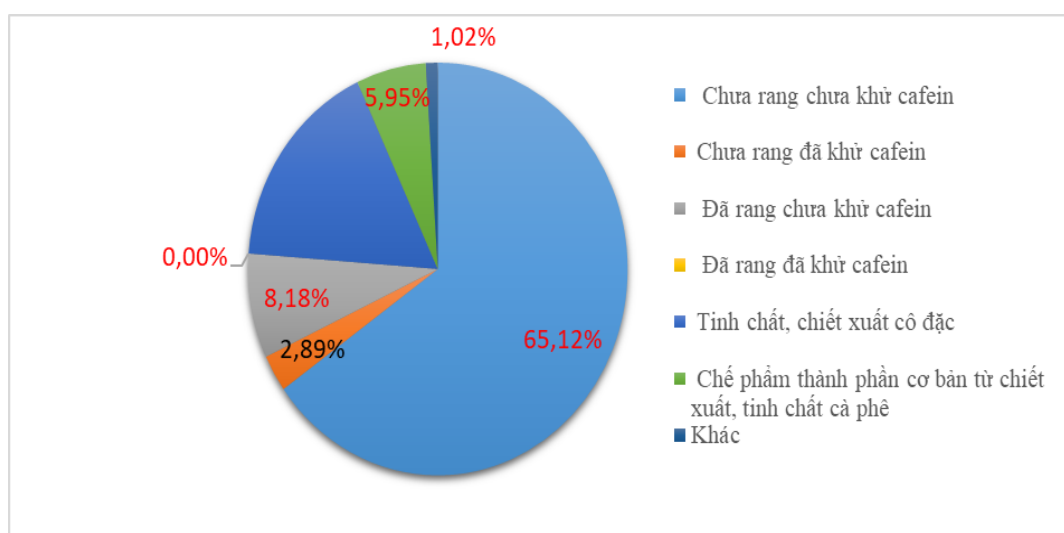
Tháng 8/2021, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc là 2.195 USD/tấn, giảm 4,45% so với tháng trước và tăng 0,05 % so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu sản phẩm, tháng 8/2021, cà phê nhân chiếm tỷ trọng 77,21%, cà phê chế biến chiếm tỷ trọng 22,79% (cùng kỳ năm 2020 tỷ lệ này lần lượt là 75,08% và 24,92%). Cơ cấu xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng 8/2021 cụ thể như sau:

Cà phê chưa rang, chưa khử caffein đạt 4,5 triệu USD, chiếm tỷ trọng 65,12%, tăng 47,66% so cùng kỳ năm 2020. Tiếp đến là tinh chất, chiết xuất cô đặc đạt 1.165 nghìn USD, chiếm 16,84%, giảm 14,92% so cùng kỳ. Cà phê đã rang, chưa khử caffein đạt 566 nghìn USD, chiếm tỷ trọng 8,18%, tăng 31,83% so với cùng kỳ. Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê đạt 412 nghìn USD, chiếm 5,95%, tăng 117,62% so với cùng kỳ.

Hình 8: Cơ cấu xuất khẩu cà phê sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 8/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hàn Quốc là: Công Ty TNHH MTV XNK 2-9 Đắc Lắc, Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập đoàn

Trung Nguyên - Nhà máy Cà Phê Sài Gòn, Công ty TNHH Vĩnh Hiệp với thị phần lần lượt là: 32,49%; 17,87% và 12,76%.

Theo Nielsen Koreanclick, quy mô thị trường cà phê pha sẵn tại Hàn Quốc đạt 672,9 tỷ won (tương đương 574 triệu USD) trong giai đoạn từ tháng 1-6/2021, tăng 5,9% so với cùng kỳ năm trước. Cà phê đóng hộp chiếm tỷ trọng lớn nhất với 258,6 tỷ won, tiếp theo là cà phê đóng chai với 137,5 tỷ won.

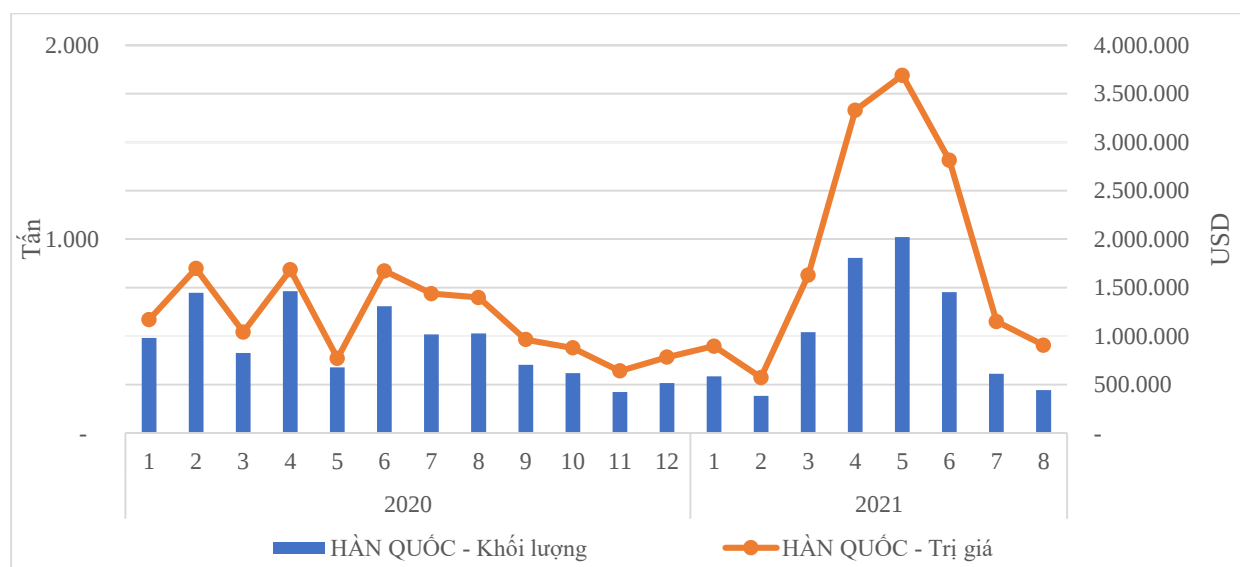
Doanh số bán cà phê đóng hộp tăng 1,7% so với cùng kỳ năm ngoái với doanh số cà phê đóng chai tăng 18,6% do ngày càng được người tiêu dùng ưa chuộng.

Doanh số bán đồ uống cà phê tăng trưởng vững chắc trong 6 tháng đầu năm 2021 do nhiều người tiêu dùng đến mua ở các cửa hàng tiện lợi thay vì đến các cửa hàng cà phê. Dongsuh Foods Corp. là công ty dẫn đầu lĩnh vực này chiếm 25,7% thị phần, theo sau là Lotte Chilsung Beverage Co. với 25,3% thị phần, Maeil Daries Co. đứng thứ ba với 15,9% thị phần.

Thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế cho thấy, nhập khẩu cà phê của Hàn Quốc trong sáu tháng đầu năm nay đạt 94.840 tấn, trị giá 432,4 triệu USD, tăng 11,7% về lượng và 30,3% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái. Hàn Quốc tăng nhập khẩu cà phê từ hầu hết các thị trường cung cấp chính trong nửa đầu năm nay.

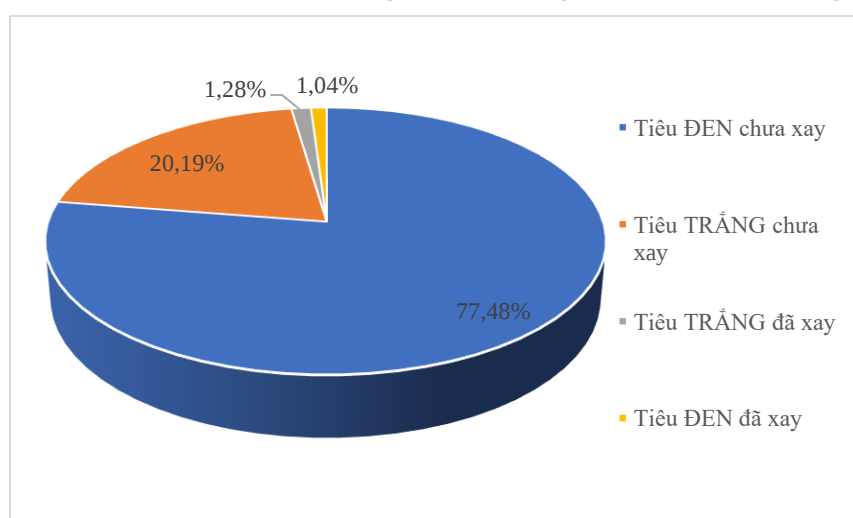
4. HỒ TIÊU

Theo số liệu công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 8/2021 tiếp tục giảm mạnh, gần chạm mốc thấp nhất kể từ tháng 1/2020 tới nay. Trong tháng này, Việt Nam chỉ xuất khẩu được 221 tấn hồ tiêu với giá trị chưa tới 1 triệu USD (905 nghìn USD), giảm 27,54% về khối lượng và giảm 21,34% về giá trị so với tháng 7/2021 và giảm 57% về khối lượng và giảm 35,27% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 9: Xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục hải quan

Trong tháng 8/2021, tiêu đen chưa xay vẫn là sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 77,48% tổng giá trị xuất khẩu, tăng nhẹ 1,34% so với tháng trước và giảm 5,22% so với cùng kỳ năm trước. Đứng thứ 2 là tiêu trắng chưa xay với 20,19%, tăng mạnh 16,87% so với tháng trước và tăng 19,38% so với cùng kỳ năm 2020. Sản phẩm tiêu đen đã xay ghi nhận mức giảm mạnh về kim ngạch xuất khẩu sang Hàn Quốc trong tháng này, chỉ chiếm 1,04%, giảm 98,96% so với tháng trước và giảm 3,1% so với cùng kỳ năm trước.

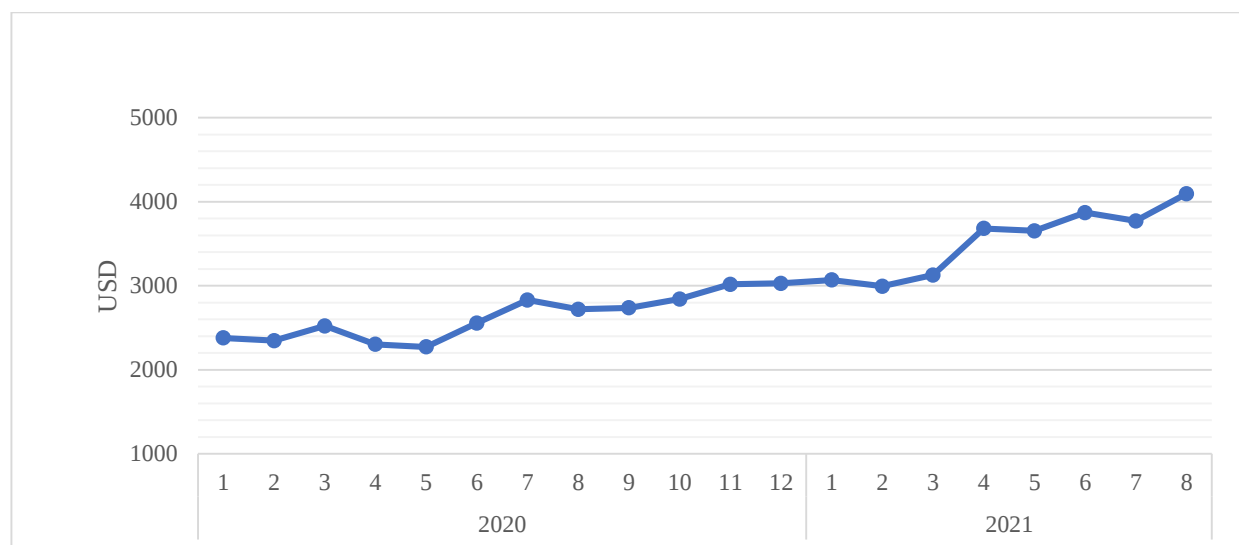
Hình 10: Cơ cấu xuất khẩu tiêu sang thị trường Hàn Quốc tháng 8/2021

Nguồn: Tổng cục hải quan

Giá xuất khẩu hồ tiêu trung bình của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 8/2021 lại tăng, lên mức 4.095 usd/tấn, tăng 8,6% so với tháng 7/2021 và tăng 50,6% so với cùng kỳ năm trước. Đây là mức giá cao nhất của hồ tiêu Việt Nam tại thị trường

này từ trước tới nay. Tuy nhiên, giá hồ tiêu xuất khẩu sang Hàn Quốc vẫn còn thấp so với nhiều thị trường xuất khẩu khác của hồ tiêu Việt Nam, đặc biệt là EU.

Hình 11: Giá tiêu xuất khẩu trung bình của Việt Nam sang Hàn Quốc (USD/tấn)

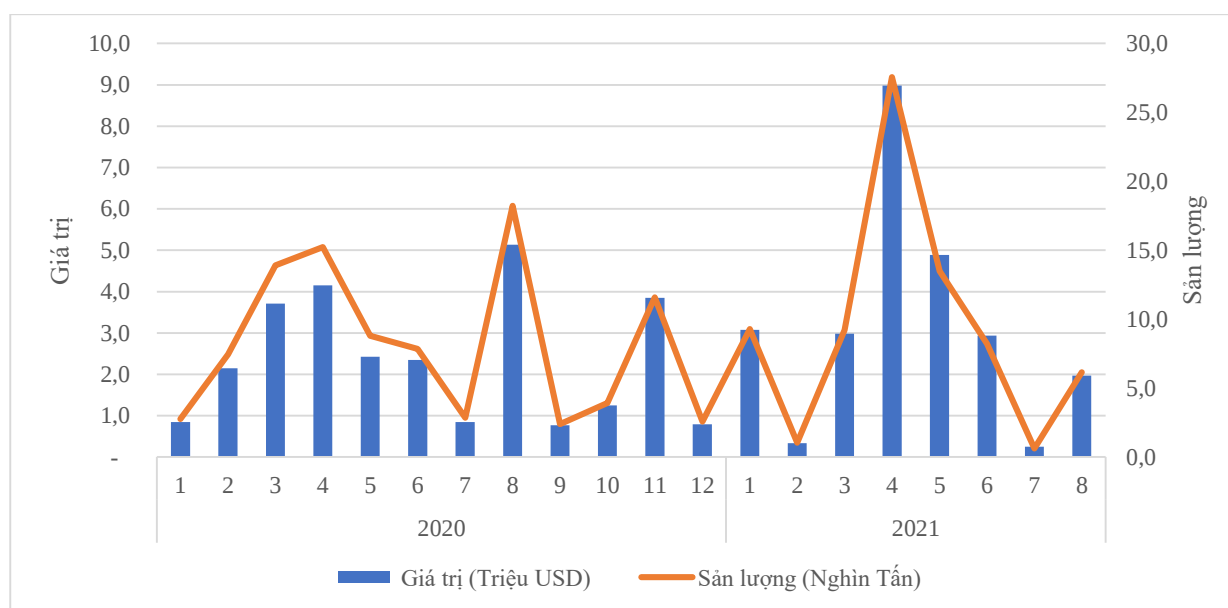


Nguồn: Tổng cục hải quan

Trong tháng 8/2021, nắm giữ vị trí số 1 trong Top 3 công ty xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc vẫn là Công ty CP XNK Petrolimex, chiếm 30,89% tổng giá trị hồ tiêu xuất khẩu sang thị trường này, giảm 16,8% so với tháng 7/2021, tăng 133,6% so với cùng kỳ năm trước. Đứng thứ hai là Chi nhánh Long Bình của Công ty TNHH Olam Việt Nam, chiếm 18,56%, tăng 50% so với tháng trước và tăng 27,3% so với cùng kỳ năm trước. Giữ vị trí thứ 3 vẫn là Công ty Cổ phần Gia vị Hà Nội, chiếm 16,89%, tăng 4,3% so với tháng 7/2021.

5. SẢN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SẢN

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 8/2021, Việt Nam xuất khẩu được 6.152 tấn sản và sản phẩm từ sản, trị giá 1,97 triệu USD sang thị trường Hàn Quốc, tăng 908,5% về khối lượng và tăng 685,7% về giá trị so với tháng 7/2021; giảm 66,2% về khối lượng và giảm 61,7% về giá trị so với cùng kỳ 2020. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2021 đạt 72,6 nghìn tấn, trị giá 24,3 triệu USD, giảm 5,2% về khối lượng và tăng 13,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 12: Khối lượng và giá trị xuất khẩu sản và sản phẩm sản sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu, thị trường Hàn Quốc chiếm 3,3% về khối lượng và 2,3% về giá trị xuất khẩu sản của Việt Nam trong tháng 8 năm 2021. Trong đó, sản lát, đông lạnh chiếm 100% giá trị xuất khẩu, giảm 62,2% so với cùng kỳ năm 2020.

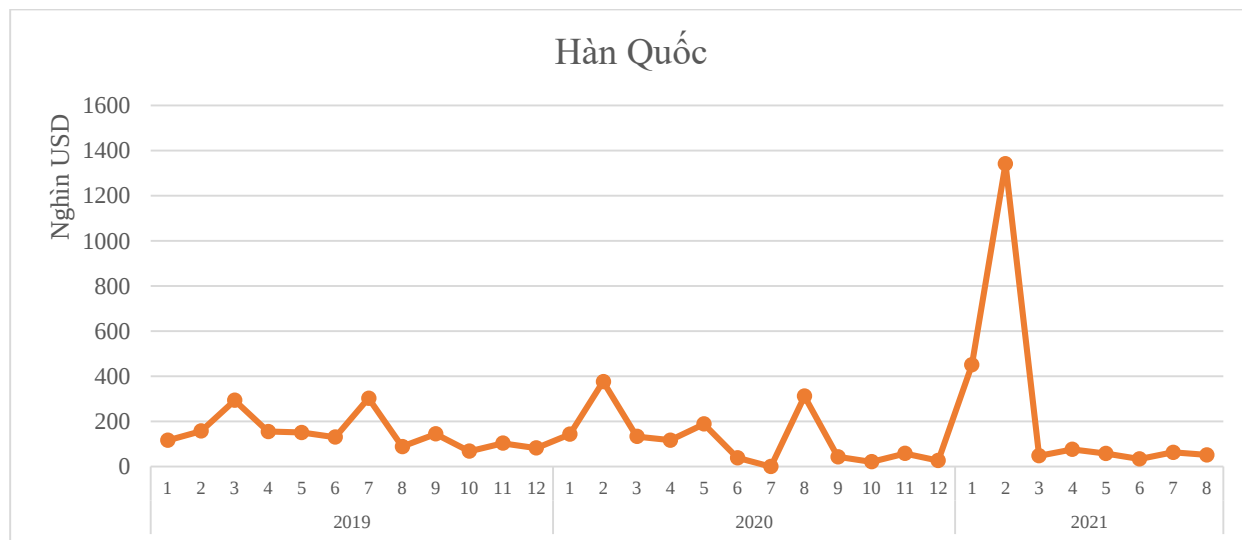
Trong tháng 8/2021, Top 3 công ty xuất khẩu sản và sản phẩm sản sang thị trường Hàn Quốc là Công ty TNHH Thương mại XNK Hoàng Ngọc, Công ty Cổ phần Đầu tư Sáng tạo Á Châu và Công ty TNHH XNK Havana Việt Nam với tỉ trọng xuất khẩu lần lượt là 97,3%; 2,2% và 0,5%. So sánh với cùng kỳ năm ngoái, giá trị xuất khẩu của Công ty TNHH Thương mại XNK Hoàng Ngọc tăng 9,3%, Công ty Cổ phần Đầu tư Sáng tạo Á Châu giảm 98,5%. Trong khi Công ty TNHH XNK Havana Việt Nam không xuất khẩu trong tháng 8/2020, nhưng đã đẩy mạnh xuất khẩu trong tháng 8/2021.

6. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

Trong tháng 8/2021, giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc đạt 51,5 nghìn USD, giảm 17,8% so với tháng trước. Tính tổng 8 tháng đầu năm, giá trị xuất khẩu sản phẩm thịt của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc đạt 2,12 triệu USD, tăng 62% so với cùng kỳ năm 2020. Các sản phẩm chủ yếu được xuất khẩu trong tháng này gồm thịt ếch và thịt chế biến. Trong đó, chỉ có 2 doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu sản phẩm thịt sang thị trường Hàn Quốc trong

tháng 7 là công ty Cổ phần Kinh Doanh Thủy Hải Sản Sài Gòn và công ty TNHH Một thành viên Hùng Phúc.

Hình 13: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Hàn Quốc

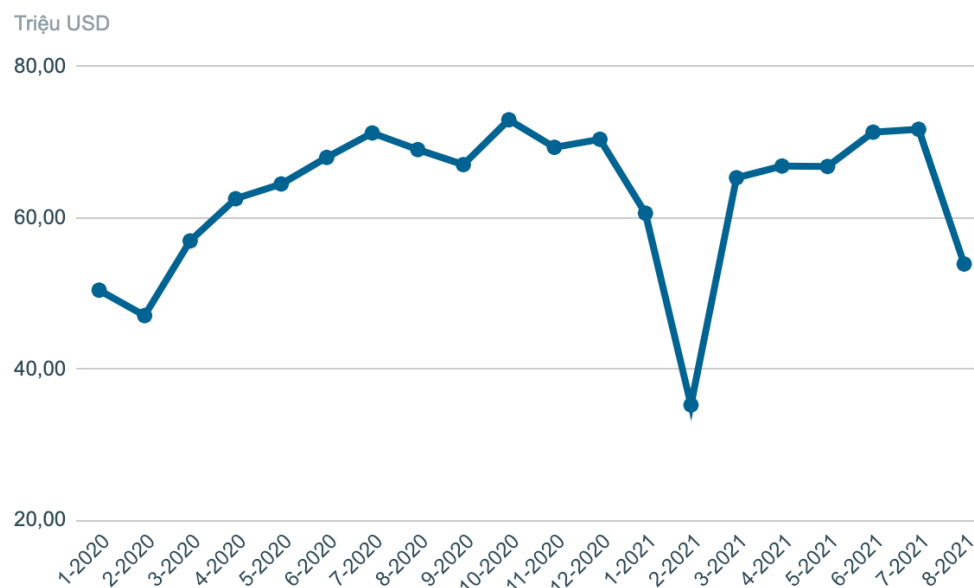


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về nhập khẩu, trong tháng 8/2021, Việt Nam đã nhập khẩu 3,54 triệu USD sản phẩm thịt từ Hàn Quốc, tăng 53,9% so với tháng trước, đưa tổng giá trị nhập khẩu 8 tháng đầu năm đạt 25,97 triệu USD, giảm 29,8% so với cùng kỳ năm 2020 (36,9 triệu USD). Sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là thịt gia cầm đã qua giết mổ và thịt chế biến.

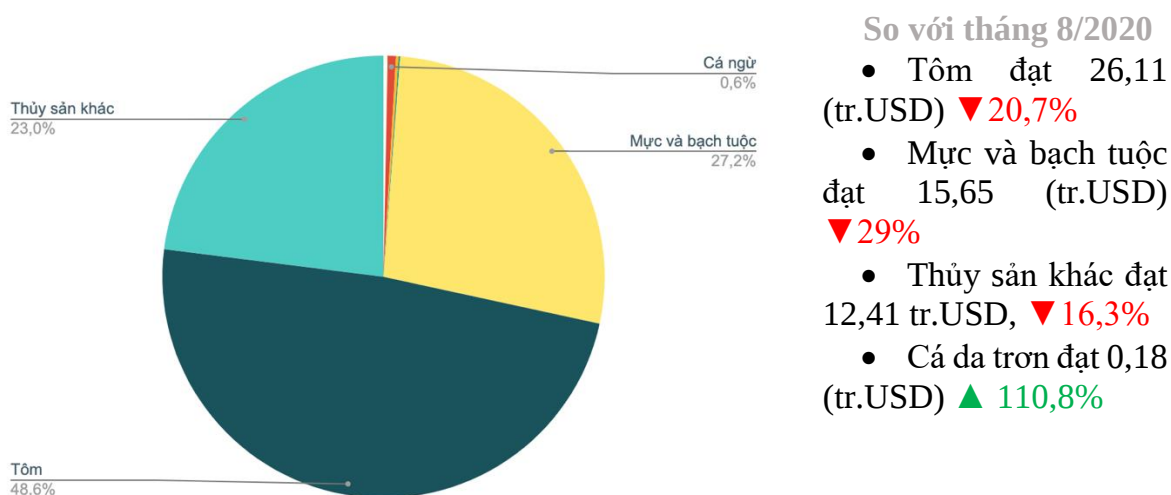
7. THỦY SẢN

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 8/2021, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc đạt 53,89 triệu USD, giảm 21,9% so với cùng kỳ năm 2020, và 24,9% so với tháng trước. Hàn Quốc là một trong 5 thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam trong tháng này sau Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU, Trung Quốc. Tôm là sản phẩm thủy sản xuất khẩu chính sang thị trường này trong tháng 8/2021 chiếm 48,6% tổng giá trị xuất khẩu; tiếp đến là Mực và bạch tuộc chiếm 27,2%.

Hình 14: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tương tự các thị trường xuất khẩu thủy sản lớn của Việt Nam, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này có xu hướng giảm trong tháng 8 do tác động tiêu cực từ dịch Covid 19 lần thứ 4 bùng phát tại Việt Nam. Tuy nhiên, tính chung 8 tháng đầu năm, tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc đạt 491,72 triệu USD, tăng 0,42% so với cùng kỳ năm trước.

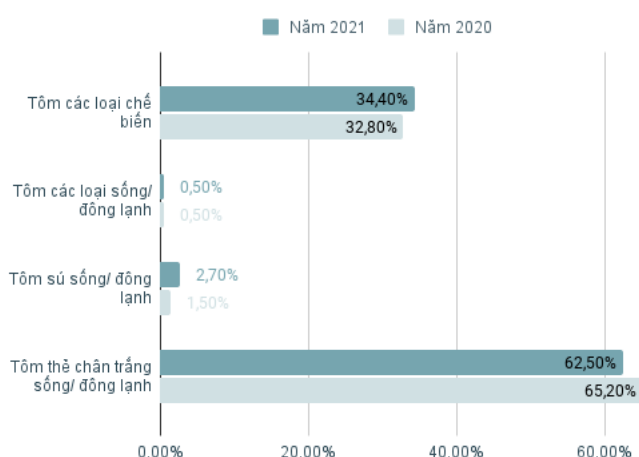
Hình 15. Cơ cấu sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc tháng 8/2021

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Đối với mặt hàng tôm, giá trị xuất khẩu tôm trong tháng 8/2021 đang có xu hướng giảm nhẹ do ảnh hưởng tiêu cực từ dịch Covid 19 mang lại. Tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh vẫn là sản phẩm xuất khẩu chính sang thị trường này chiếm

khoảng 64,30%, tôm chế biến đứng thứ 2 chiếm 33,20% tổng giá trị tôm xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Hình 16. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Hàn Quốc tháng 8/2021



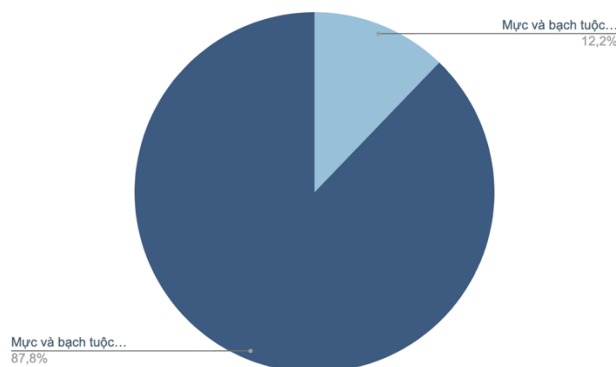
So với tháng 8/2020

- Tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 16,37 (tr.USD), ▼24%
- Tôm chế biến các loại đạt 9,01 (tr.USD), ▼16,9%
- Tôm các loại khác đạt 0,12 (tr.USD), ▼33,3%
- Tôm sú sống/đông lạnh đạt 0,71 (tr.USD), ▲47,5%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Mặt hàng mực và bạch tuộc, giá trị xuất khẩu tháng 8 năm 2021 đạt 14,65 triệu USD, giảm 29% so với cùng kỳ năm 2020, giảm 28,9% so với tháng trước.

Hình 17. Cơ cấu xuất khẩu mực và bạch tuộc sang Hàn Quốc tháng 8/2021



So với tháng 8/2020

- Mực và bạch tuộc sống/đông lạnh đạt 12,86(tr.USD), ▼28,6%
- Mực và bạch tuộc chế biến đạt 1,79 (tr.USD), ▼32,8%.

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Tháng 8/2021, giá bình quân của một số mặt hàng thủy sản chính sang thị trường Hàn Quốc có xu hướng tăng nhẹ so với tháng 8/2020. Cụ thể: giá xuất khẩu tôm trung bình đạt 8,1 USD/kg, tăng 4,6%; mực và bạch tuộc đạt 8,95 USD/kg, tăng 5,4% so với cùng kỳ năm 2020.

Bảng 1: Giá một số sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc tháng 8/2021

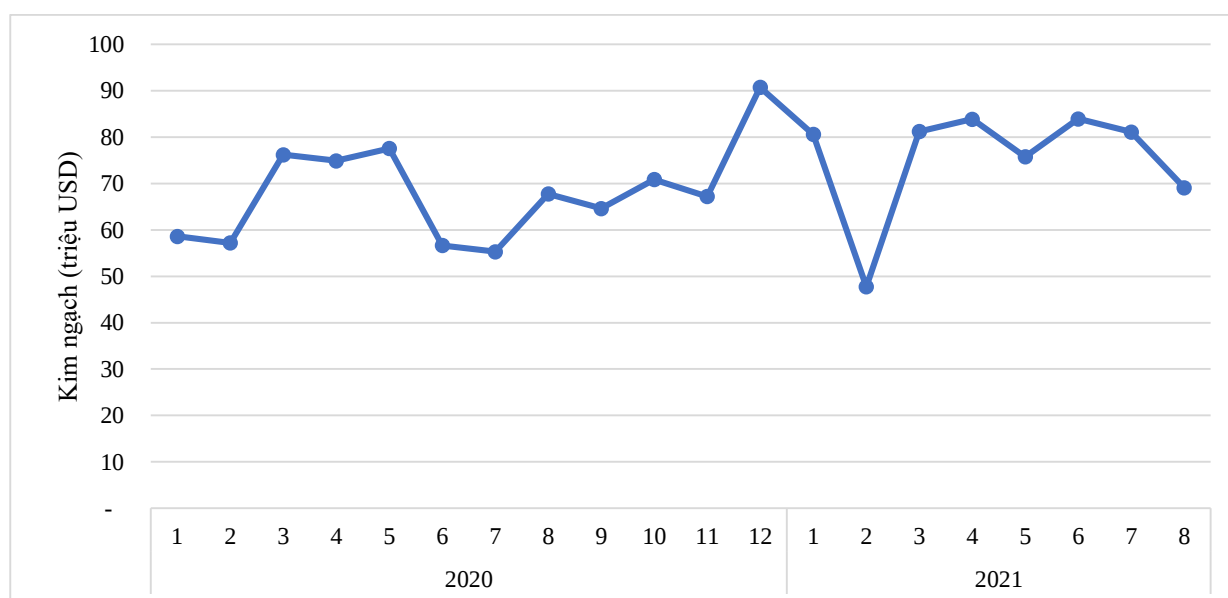
TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	2,38	7,50%	-0,60%
2	Cua, ghẹ	2,53	-13,30%	-10,50%
3	Mực và bạch tuộc	4,03	-9,90%	-11,50%
4	Tôm	8,95	5,40%	-0,50%
5	Cua, ghẹ	8,1	4,60%	-3,60%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 8 năm 2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hàn Quốc là Công ty cổ phần chế biến thủy sản xuất nhập khẩu Kiên Cường chiếm 8,2% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này; Công ty TNHH MTV chế biến thủy sản và XNK Ngọc Trinh Bạc Liêu chiếm 4,6 %; Công ty cổ phần tôm Miền Nam chiếm 4,4%.

8. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM GỖ

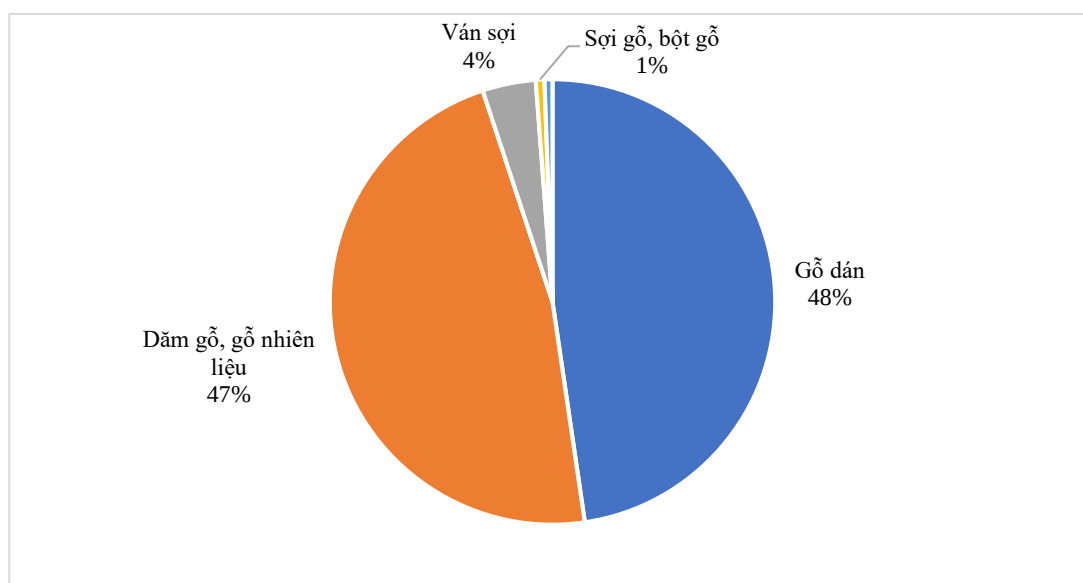
Theo Tổng cục Hải quan, tháng 8/2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 69,1 triệu USD, giảm 14,8% so với tháng trước nhưng tăng 2,0% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 18: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 8/2021, gỗ dán là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 27,2 triệu USD, chiếm 47,7% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là dăm gỗ với kim ngạch 27,0 triệu USD, chiếm 47,2% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là ván sợi và sợi gỗ chiếm lần lượt 3,9% và 0,6% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Hình 19: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 8/2021



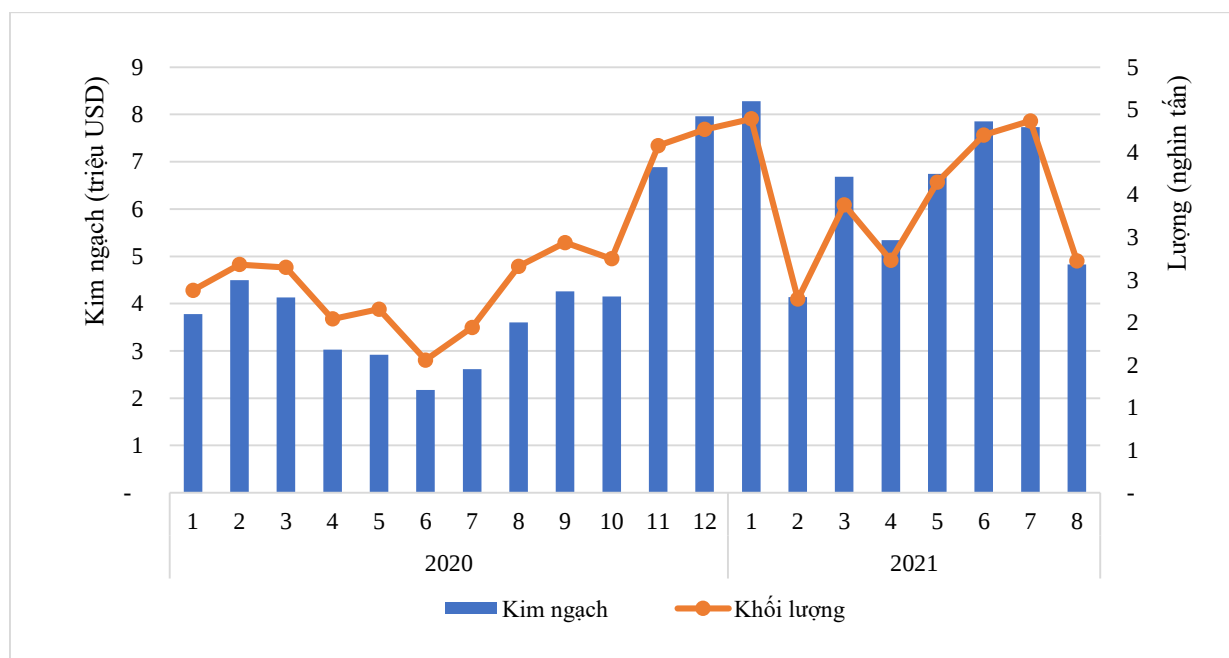
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 8/2021, Top 3 công ty xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc là Công ty TNHH MTV Năng Lượng An Việt Phát, Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thanh Hùng và Công ty TNHH Hoàng Đại Vương. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt là 9,7%, 5,9% và 5,9% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 sang thị trường Hàn Quốc.

9. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 8/2021, xuất khẩu cao su sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 2,7 nghìn tấn với trị giá 4,8 triệu USD, giảm 37,7% về khối lượng và 37,5% về giá trị so với tháng trước, nhưng tăng 2,3% về khối lượng và 34,0% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

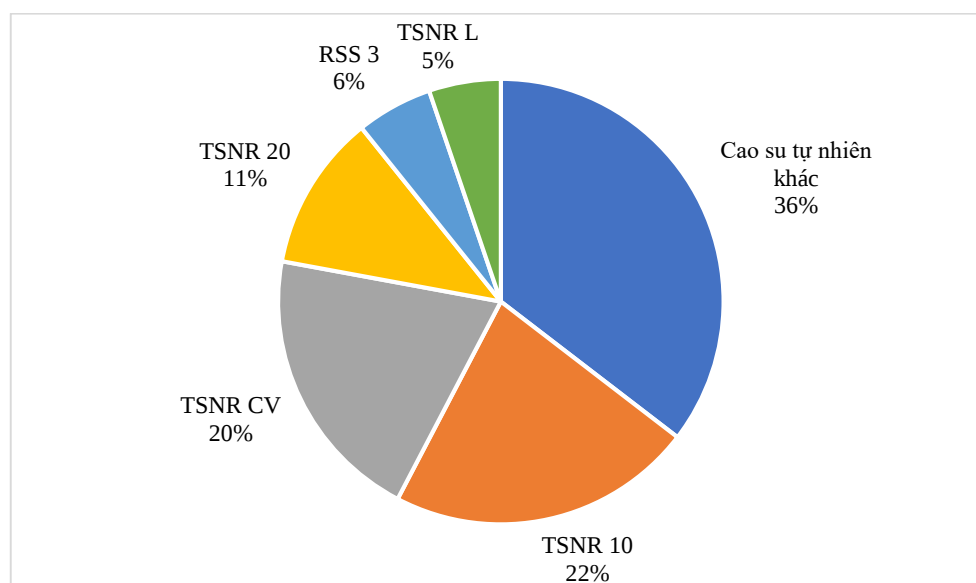
Hình 20: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 8/2021, cao su tự nhiên định chuẩn kỹ thuật TSNR 10 là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 1,1 triệu USD, chiếm 22,2% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là TSNR CV với kim ngạch 1,0 triệu USD, chiếm 20,2% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là TSNR 20 và RSS 3 chiếm lần lượt 11,3% và 5,5% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

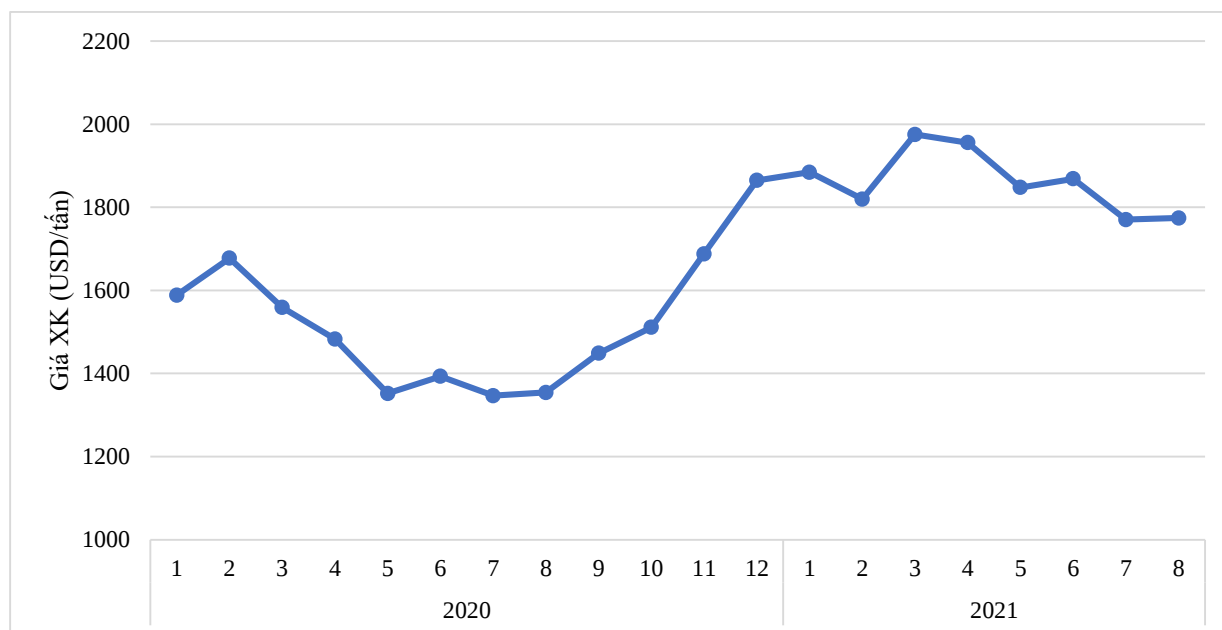
Hình 21: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 8/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường Hàn Quốc đạt mức 1.774 USD/tấn trong tháng 8/2021, tăng 0,2% so với tháng trước, và tăng 31,0% so với cùng kỳ 2020.

Hình 22: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 8/2021, Top 3 công ty xuất khẩu cao su sang thị trường Hàn Quốc là Công ty TNHH Sản xuất Cao su Liên Anh, Công ty CP Cao su Việt Phú Thịnh và Công ty CP Đầu tư Cao su Việt Nam. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt 24,7%, 14,4% và 6,8% tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc.

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cà phê

Hàn Quốc là thị trường xuất khẩu cà phê tiềm năng của Việt Nam bởi mức tiêu thụ cà phê của quốc gia này chiếm khoảng 6% tổng thị trường cà phê Châu Á - Thái Bình Dương. Làn sóng Covid-19 lần thứ 4 vẫn diễn biến phức tạp tại Hàn Quốc, tuy nhiên nhu cầu tiêu thụ cà phê của nước này không bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh. Trong khi đó, Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) nâng triển vọng tăng trưởng của Hàn Quốc lên 4,3% trong năm nay và 3,4% trong năm 2022, cao hơn mức 3,6% và 2,8% ước tính hồi tháng 4/2021, bất chấp những lo ngại về tác động của làn sóng lây nhiễm thứ 4. Do đó, nhu cầu nhập khẩu cà phê của Hàn Quốc dự kiến sẽ tiếp tục xu hướng tăng và xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hàn Quốc được dự báo sẽ có cơ hội tăng trưởng trong thời gian tới.

2. Hồ tiêu

Sau giai đoạn tăng trưởng rất mạnh kể từ tháng 2/2021 đến tháng 5/2021, hồ tiêu của Việt Nam sang Hàn Quốc đã sụt giảm đáng kể về cả khối lượng và giá trị, chỉ có giá xuất khẩu là giao động nhẹ. Tình hình dịch bệnh vẫn chưa kiểm soát được cùng với cước biển vẫn tăng cao, vỏ container vẫn mất cân bằng giữa các cảng biển lớn sẽ tiếp tục ảnh hưởng lớn đến các chuỗi giá trị xuất khẩu trong đó có hồ tiêu. Do đó, dự báo trong 1-2 tháng tới, số liệu xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường này vẫn sẽ tiếp tục giảm, chờ đợi tín hiệu hồi phục của nền kinh tế khi các vấn đề nóng bỏng nói trên được giải quyết tại cả 2 quốc gia.

PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 8/2021

STT	Sản phẩm	T8/2021 (USD)	Tăng/giảm so với T8/2020	Tỷ trọng (%)
1	Cà phê	6.917.281	43,38%	4.40%
2	Cao su	4.830.945	34,04%	3.07%
3	Gỗ và SP gỗ	69.103.679	1,96%	43.95%
4	Hàng rau quả	11.099.757	13,84%	7.06%
5	Hàng thủy sản	53.891.080	-21,92%	34.28%
6	Hạt tiêu	905.090	-35,27%	0.58%
7	Phân bón các loại	246.616	80,85%	0.16%
8	Mây tre đan	799.850	-57,00%	0.51%
9	SP từ cao su	5.510.018	17,04%	3.50%
10	Sắn và SP từ sắn	1.966.486	-61,71%	1.25%
11	TAGS & NL	1.958.861	-20,22%	1.25%
Tổng XK NLTS		157.229.663		100,00%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hàn Quốc tháng 8/2021

TT	Loại sản phẩm	Tháng 8/2020		Tháng 8/2021		So sánh 2021/2020 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1.	Gạo thơm	44	23.481	32	18.640	-27,9%	-20,6%
2.	Gạo trắng	0	0	6	3.982	-	-
3.	Các loại gạo khác	4.207	1.465.260	5	2.630	-99,9%	-99,8%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại cà phê sang Hàn Quốc tháng 8/2021

Mặt hàng	T8/2020	T8/2021	So sánh 2020/2021	Tỷ trọng T8/2021
Chưa rang chưa khử cafein	3.051	4.504	47,66%	65,12%
Chưa rang đã khử cafein	138	200	44,69%	2,89%
Đã rang chưa khử cafein	429	566	31,83%	8,18%
Đã rang đã khử cafein	4	-	-100,00%	0,00%
Tinh chất, chiết xuất cô đặc	1.013	1.165	14,92%	16,84%
Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê	189	412	117,62%	5,95%
Khác	-	70	-	1,02%
Tổng	4.824	6.917	43,38%	100,00%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan***Bảng 5: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hàn Quốc tháng 8/2021**

TT	Sản phẩm	Tháng 8/2020	Tháng 8/2021	So sánh 2021/2020
		(USD)	(USD)	
	Tổng giá trị XK	9.750.187	11.099.757	13,8%
1	Hạt mè	3.247.982	3.569.929	9,9%
2	Ớt	528.861	852.677	61,2%
3	Xoài	1.402.038	791.310	-43,6%
4	Thanh long	433.789	709.836	63,6%
5	Chuối	477.322	670.522	40,5%
6	Sầu riêng	60.504	571.320	844,3%
7	Khác	3.599.690	3.934.163	9,3%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Cơ cấu sản và sản phẩm sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 8/2021

TT	Sản phẩm	T8/2020 (USD)	T8/2021 (USD)	So sánh 2021/2020
1	Sắn, mì thô, thái lát, đông lạnh	5.119.670	1.966.486	-61,6%
2	Tinh bột sắn	15.750	-	-100,0%
	Tổng giá trị XK	5.135.420	1.966.486	-61,7%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan***Bảng 7: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Hàn Quốc tháng 8/2021**

Loại sản phẩm	Tháng 8/2021 (USD)	Tháng 8/2020 (USD)	So sánh 2021/20 (%)
Cá da trơn	175.657,04	158.589,32	10,80%
Cá ngừ	306.812,00	57.750,00	431,30%
Cá rô phi	83.316,15	180.329,88	-53,80%
Cua, ghẹ	51.027,20	99.852,80	-48,90%
Mực và bạch tuộc	14.650.845,80	20.637.342,04	-29,00%
Tôm	26.208.496,86	33.042.955,83	-20,70%
Thủy sản khác	12.414.924,94	14.845.297,14	-16,40%
Tổng	53.891.080,00	69.022.117,00	-21,90%

Nguồn: Tổng cục Hải quan